

Bản án số 227/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30-8-2024

V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn
giữa chị T và anh T1"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuý Mùi;

Bà Trần Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024; **Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024**, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Minh T, sinh năm 1996. Địa chỉ: Xóm D, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1991. Địa chỉ: Xóm A, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

(Chị T vắng mặt có lý do; anh T1 vắng mặt lần hai không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02/6/2024, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Minh T trình bày:

Chị Nguyễn Minh T và anh Phạm Văn T1 đăng ký kết hôn ngày 28/01/2021 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến tháng 3/2022 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quan

điểm sống khác nhau; anh T1 luôn lạnh nhạt, không quan tâm, chăm sóc gia đình. Tháng 3 năm 2022, chị T đã làm đơn ly hôn với anh T1 nhưng được Tòa án động viên, khuyên giải nên chị T đã rút đơn. Sau khi rút đơn, mặc dù bản thân đã cố gắng lắng nghe, tìm hiểu nhưng anh T1 không hợp tác, không thay đổi tích cực nên quan hệ vợ chồng không được cải thiện, tình cảm ngày càng lạnh nhạt, vợ chồng hoàn toàn mất kết nối. Chị T, anh T1 vẫn ở chung nhà nhưng mỗi người ngủ một phòng, chấm dứt quan hệ tình cảm, trách nhiệm kể từ thời điểm chị T làm đơn xin ly hôn vào tháng 3/2022 cho đến nay. Xét tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị T yêu cầu xin được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Phạm Khánh L, sinh ngày 09/8/2021 hiện đang ở cùng chị T, anh T1. Chị T nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng.

Về tài sản: Chị T và anh T1 không có tài sản chung, không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tổng đạt Thông báo thụ lý số 180/TB-TLVA ngày 24-07-2024; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ hợp lệ cho anh Phạm Văn T1 nhưng anh T1 không đến tham gia phiên họp, không gửi văn bản trình bày ý của mình về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Minh T. Đồng thời, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cũng tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T1 nhưng đến nay anh T1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Minh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Phạm Văn T1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt lần hai không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T1 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Minh T và anh Phạm Văn T1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 28/01/2021. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T thì thấy: Trong suốt quá trình chung sống, do tính tình, quan điểm sống không hợp nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, tình cảm lạnh nhạt, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Mặc dù vẫn chung sống cùng một nhà nhưng chị T và anh T1 đã ly

thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ tháng 3/2022 đến nay. Từ khi chị **T** làm đơn xin ly hôn, anh **T1** cũng không có biện pháp để khắc phục mâu thuẫn, hòa giải đoàn tụ gia đình. Mặt khác, anh **T1** đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, biết được việc chị **T** làm đơn xin ly hôn nhưng không ý kiến gì, không có mặt tại các buổi làm việc của Tòa án đã chứng tỏ anh **T1** không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị **T**. Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **T** và anh **T1** đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị **T**, cho chị **Nguyễn Minh T** được ly hôn anh **Phạm Văn T1** là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị **Nguyễn Minh T** và anh **Phạm Văn T1** có 01 con chung là **Phạm Khánh L**, sinh ngày 09/8/2021 hiện đang ở cùng chị **T**, anh **T1**. Chị **T** nhận nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng; anh **T1** không có ý kiến đề nghị gì về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị **T**, giao con chung cho chị **T** tiếp tục nuôi dưỡng, anh **T1** không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Quá trình giải quyết vụ án, chị **T** xác định vợ chồng không có tài sản chung, không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh **T1** không có ý kiến gì về việc giải quyết tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Nguyễn Minh T** phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị **Nguyễn Minh T** và anh **Phạm Văn T1**.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu **Phạm Khánh L**, sinh ngày 09/8/2021 cho chị **Nguyễn Minh T** nuôi dưỡng đến khi cháu **L** đủ tuổi thành niên; anh **Phạm Văn T1** không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị **T**. Chị **T**, anh **T1** có quyền và

nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật. Anh T2 có nghĩa vụ giao cháu L cho chị T nuôi dưỡng theo Quyết định của bản án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị Nguyễn Minh T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0003259 ngày 24-07-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Nguyễn Minh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh+huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hòe

